

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2020/DS-ST**
Ngày 08 - 01 - 2020
V/v Tranh chấp Hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thanh Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Văn Công Trọn.

Ông Huỳnh Văn Năm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Huỳnh Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 402/2019/TLST-DS ngày 04/9/2019 về việc “*Tranh chấp Hui*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 426/2019/QĐXXST-DS ngày 05/12/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 396/2019/QĐST-DS ngày 23/12/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Yến X, sinh năm 1968.

- *Bị đơn:* Bà Vưu Hồng T, sinh năm 1965.

Cùng địa chỉ: Khóm 3, thị t, huyện T, tỉnh C .

Nguyên đơn có mặt. Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 27/8/2019 của nguyên đơn và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện: Vào 25/01/2017 âm lịch bà X làm chủ 01 dây hui, loại hui 5.000.000 đồng, hui 01 tháng khui 01 lần, hui gồm có 32 chung, bà T tham gia chơi 01 chung, hui khui đến kỳ thứ 4 ngày 25/4/2017 âm lịch thì bà T bỏ hui với giá 2.200.000 đồng thì được hốt số tiền 90.400.000 đồng, kể từ khi hốt hui bà T đóng lại đến hết tháng 5/2018 âm lịch thì không đóng hui nữa, dây hui này hiện nay đã mất, bà T còn thiếu lại bà X ở dây hui này là 14 lần X 5.000.000 đồng = 70.000.000 đồng (bà X đã xuất tiền ra đóng hui thay cho bà T để trả cho các

hụi viên khác rồi). Vào 09/01/2018 âm lịch bà X làm chủ 01 dây hụi, loại hụi 5.000.000 đồng, hụi 01 tháng khui 01 lần, hụi gồm có 34 chung, bà T tham gia chơi 01 chung, hụi khui đến kỳ thứ 2 ngày 09/02/2018 âm lịch thì bà T bỏ hụi với giá 1.850.000 đồng thì được hốt số tiền 101.800.000 đồng, kể từ khi hốt hụi bà T đóng lại đến hết tháng 5/2018 âm lịch thì không đóng hụi nữa, dây hụi này hiện nay chưa mãn, bà T còn thiếu lại bà X ở dây hụi này đến mãn là 29 lần X 5.000.000 đồng = 145.000.000 đồng (bà X đã xuất tiền ra đóng hụi thay cho bà T để trả cho các hụi viên khác được 17 lần X 5.000.000 đồng = 85.000.000 đồng), dây hụi này do bà X làm chủ hụi nên phải có trách nhiệm gom hụi giao cho các hụi viên khác, nên đến mãn thì bà X phải xuất ra số tiền 60.000.000 đồng nữa để trả hụi. Trong danh sách hụi viên dây hụi ngày 25/01/2017 âm lịch bà T có tên là “Vợ Anh Ngon”, còn danh sách hụi viên dây hụi ngày 09/01/2018 âm lịch là “Chị T Vợ Anh Ngon”. Khi giao hụi bà X có làm 01 miếng giấy tính hụi, khi giao tiền thì bà T có ký tên vào giấy hụi.

Do bà T đã vi phạm thỏa thuận nghĩa vụ đóng hụi chết, nên bà X yêu cầu bà T trả tổng số tiền hụi là 215.000.000 đồng.

- **Đối với bị đơn:** Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và 02 lần để xét xử, nhưng những bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến.

- **Lời trình bày của bà Lê Mỹ L tại biên bản làm việc ngày 07/11/2019, thể hiện:** Bà L tham gia chơi 01 chung hụi, loại hụi 5.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, hụi gồm có 34 chung do bà Lê Yến X làm chủ, hụi khui ngày 09/01/2018 âm lịch. Bà L biết bà Vưu Hồng T chơi chung dây hụi qua danh sách hụi viên bà X cung cấp và nghe bà X nói, trong danh sách hụi bà L có tên là “L 5 Đôi”. Bà L có nghe bà X nói là bà T chơi 01 chung đã hốt, còn cụ thể như thế nào thì bà L không biết. Khi giao tiền hụi thì bà X có làm giấy tính hụi rồi đưa cho hụi viên nhận tiền ký tên.

- **Lời trình bày của bà Dương Bích P tại biên bản làm việc ngày 07/11/2019, thể hiện:** Bà P tham gia chơi 04 chung hụi ở 02 dây hụi (01 dây khui ngày 25/01/2017 âm lịch, 01 dây khui ngày 09/01/2018 âm lịch), loại hụi 5.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần do bà Lê Yến X làm chủ. Bà P biết bà Vưu Hồng T chơi chung mỗi dây 01 chung, trong danh sách hụi bà P có tên là “8 Trinh”. Theo bà P biết thì 02 chung hụi bà Vưu Hồng T đã hốt, còn việc bà T hốt hụi được bao nhiêu tiền và có đóng hụi lại không thì không biết. Khi đi bỏ hụi thì bà Ph có gặp bà T vài lần. Khi giao tiền hụi thì bà X có làm giấy tính hụi sống, chết bao nhiêu chung, còn lại số tiền hốt bao nhiêu đưa cho hụi viên được hốt hụi nhận tiền ký tên.

- **Lời trình bày của bà Nguyễn Thị Đ và chị Nguyễn Thị Thu H tại biên bản làm việc ngày 07/11/2019, thể hiện:**

Bà Đ và chị H là mẹ con ruột. Chị H và bà Đ tham gia chơi 02 chung hụi ở 02 dây hụi (chị H chơi ở 01 dây khui ngày 25/01/2017 âm lịch, bà Đ chơi ở 01 dây khui ngày 09/01/2018 âm lịch), loại hụi 5.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần do bà Lê Yến X làm chủ. Theo chị H và bà Đ thì có biết bà Vưu Hồng T chơi chung mỗi dây 01 chung, trong danh sách hụi chị H có tên là “T 5 Đ”, bà Đ có tên là “5 Đ”. Theo chị H và bà Đ biết thì 02 chung hụi bà Vưu Hồng T đã hốt, còn việc bà T hốt hụi được bao nhiêu tiền và có đóng hụi lại không thì không biết. Khi đi bỏ hụi thì chị

H và bà Đ có gặp bà T vài lần. Khi giao tiền hụi thì bà X có làm giấy tính hụi và khi hụi viên nhận tiền thì có ký tên.

- Lời trình bày của bà Nguyễn Thúy H tại biên bản làm việc ngày 08/11/2019, thể hiện: Bà H tham gia chơi 01 chung hụi, loại hụi 5.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, hụi gồm có 32 chung do bà Lê Yến X làm chủ, hụi khui ngày 25/01/2017 âm lịch. Bà H biết bà Vuơ Hồng T chơi 01 chung hụi chung dây hụi, trong danh sách hụi bà H có tên là “Mỹ Anh”, còn bà T tên “Vợ Anh Ngon”. Theo bà Hằng biết thì bà T đã hốt hụi rồi còn cụ thể như thế nào thì bà H không biết, nhưng có biết bà T còn thiếu tiền hụi bà X. Khi giao tiền hụi bao nhiêu tiền được hốt, khi giao tiền thì hụi viên ký tên bên dưới.

- Lời trình bày của bà Diệp Thị L tại biên bản làm việc ngày 08/11/2019, thể hiện: Bà L tham gia chơi 04 chung hụi, loại hụi 5.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, hụi gồm có 34 chung do bà Lê Yến X làm chủ, hụi khui ngày 09/01/2018 âm lịch. Bà L biết bà Vuơ Hồng T chơi 01 chung hụi chung dây hụi, trong danh sách hụi bà L có tên là “L Hùng”, còn bà T tên “Chị T Vợ Anh Ngon”. Bà L khi đi bỏ hụi thì có gặp bà T được vài lần. Theo bà L biết thì bà T đã hốt hụi rồi, hốt được khoản hơn 100.000.000 đồng. Khi giao tiền hụi thì hụi viên ký tên bên dưới.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát huyện Trần Văn Thời phát biểu:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, thư ký tiến hành đúng theo trình tự quy định của Pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Dây hụi khui ngày 25/01/2017 âm lịch hiện nay đã mãn và bà X đã xuất tiền ra đóng thay bà T số tiền 70.000.000 đồng là có thật. Dây hụi ngày 09/01/2018 âm lịch đến ngày 09/10/2020 âm lịch mới mãn hụi, thực tế bà X chỉ xuất tiền ra đóng hụi thay bà T là 95.000.000 đồng. Do đó, đề nghị chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà X, buộc bà T trả cho bà X số tiền 165.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của bà X với số tiền hụi 50.000.000 đồng.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thủ tục:* Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền hụi, nên thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là đúng theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc thanh toán nợ hụi và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà

Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “*Tranh chấp Hui*” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về pháp luật áp dụng*: Áp dụng quy định của Bộ luật dân sự hiện hành và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết để giải quyết là phù hợp.

[4] *Về nội dung tranh chấp và xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: Bà X xác định bà làm chủ 02 dây hui, loại hui 5.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, dây hui khui ngày 25/01/2017 âm lịch có 32 chung bà T chơi 01 chung, dây hui khui ngày 09/01/2018 âm lịch có 34 chung bà T chơi 01 chung. Các chung hui bà T đã hốt, nhưng không thực hiện nghĩa vụ đóng hui chết lại theo thỏa thuận để bà X chung cho các hui viên khác. Tổng số tiền nợ hui là 215.000.000 đồng. Bà X cung cấp cho Tòa án được các tài liệu, chứng cứ gồm có danh sách hui viên ngày 09/01/2018 âm lịch có tên bà T là “Chị T Vợ Anh Ngon”, danh sách hui viên ngày 25/01/2017 âm lịch có tên bà T là “Vợ Anh Ngon” và giấy tính hui 5.000.000 đồng khui ngày 25/01/2017 “có nội dung “tổng số 32 chung; chết 3 X 5000 = 15.000.000; sống 28 X 2800 = 78.400.000; 93.400.000 – còn 3.000.000 = 90.400.000; có chữ ký và chữ viết họ và tên Vu Hồng T; bên dưới có để chị T vợ anh Ngoan hốt ngày 25/4/2017”, giấy tính hui 5.000.000 đồng khui ngày 09/01/2018 “tổng số 34 chung; chết 1 X 5000 = 5.000.000; sống 32 X 3150 = 100.800.000; 105.800.000 – còn 4.000.000 = 101.800.000; có chữ ký và chữ viết họ và tên Vu Hồng T; bên dưới có để chị T vợ anh Ngoan hốt ngày 09/02/2018”, biên nhận thể hiện “Vu Hồng T ở khóm 3 có thiếu tiền hui của chế Xuân 70.000.000 đồng (bảy chục triệu đồng), ngày 25/01/2019 âm lịch, Vu Hồng T ở khóm 3”. Qua làm việc và xác minh các người làm chứng như bà L, P, H, Đ, Hằng, L đều xác định có tham gia chơi hui chung với bà T ở 02 dây hui như bà X trình bày, những người này đều xác định bà T có tham gia chơi mỗi dây hui 01 chung hui và đã hốt hết, tên bà T trong danh sách hui do bà X cung cấp là trùng khớp với lời khai của những người này, ngoài ra theo họ xác định khi giao nhận tiền hui thì bà X đều có làm giấy tính hui thể hiện sống chết và trừ cò, còn lại số tiền bao nhiêu khi hui viên nhận tiền sẽ ký tên bên dưới là phù hợp với các giấy hui bà X cung cấp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Vu Hồng T nhưng không nhận được ý kiến và tài liệu, chứng cứ gì của bà T cung cấp để phản đối về yêu cầu khởi kiện của bà X. Từ các tài liệu, chứng cứ nêu trên có cơ sở để chứng minh bà T còn nợ tiền hui bà X theo như bà X trình bày. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ hui theo thỏa thuận giữa chủ hui và các hui viên khác, nên phải xem xét quyền lợi của các bên cho đến kết thúc dây hui thì mới đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, vì thực tế bà T đã ngưng đóng tiền hui chết lại thời gian dài, nên khả năng bà T đóng tiếp các kỳ hui khui tiếp theo là không có. Dây hui khui ngày 25/01/2017 âm lịch hiện nay đã mãn bà X thực tế đã xuất tiền ra đóng hui thay cho bà T là 70.000.000 đồng, nên bà T phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà X khoản tiền này là đúng. Dây hui khui ngày 09/01/2018 âm lịch hiện nay bà X đã xuất tiền ra đóng thay cho bà T để chung cho các hui viên khác là 95.000.000 đồng và hàng tháng tiếp theo bà T phải có nghĩa vụ đóng hui mỗi tháng 5.000.000 đồng cho bà X để bà X chung hui cho các hui viên khác được hốt hui, xét thấy chủ hui chỉ mang tính chất là vai trò trung gian ăn hoa hồng và có trách nhiệm gom hui của các

hội viên trong dây hội giao hội lại cho người được lĩnh hội, nên việc bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chủ hội và các hội viên, kể từ ngày bà T ngưng đóng hội thì bà X đã xuất tiền đóng hội thay cho bà T một thời gian dài và thực tế hiện nay cho đến khi mãn hội thì bà X hàng tháng phải có trách nhiệm đóng hội thay cho bà T mỗi tháng 5.000.000 đồng để chung hội cho các hội viên cho đến khi mãn hội, do đó cần buộc bà T phải có nghĩa vụ trả cho bà X số tiền hội phải đóng ở dây hội này với số tiền 145.000.000 đồng là phù hợp.

Từ những lập luận, phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có 01 phần là chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chỉ chấp nhận 01 phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và có đầy đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền là 215.000.000 đồng là đúng theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 17, Điều 21, khoản 2 Điều 22, Điều 24 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường.

[4] *Về án phí*: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 5% trên tổng số tiền Tòa án án buộc trả cho nguyên đơn; đối với nguyên đơn do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên không phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Số tiền tạm ứng án phí của nguyên đơn đã dự nộp trước được hoàn lại toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227; Điều 471 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 17, Điều 21, khoản 2 Điều 22, Điều 24 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

1. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Lê Yến X. Buộc bị đơn Vuur Hồng T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Lê Yến X số tiền **215.000.000** đồng (Hai trăm mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nói trên, thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch:

- Buộc bị đơn Vuur Hồng T phải nộp là 10.750.000 đồng.

- Nguyên đơn đã dự nộp tạm ứng án phí trước với số tiền là 5.375.000 đồng theo biên lai thu số 0002620 ngày 03/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được hoàn lại toàn bộ.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh C;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Từ Thanh Nhung